



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvieta.com.vn | Website: www.ifcvieta.com.vn

ÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 06 THÁNG 06 NĂM 2014
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



Thành viên hãng AGN International / Member Firm of AGN International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 -3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 06 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty từ ngày 30 tháng 4 năm 2014 đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Cấn Hồng Lai	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bảo	Ủy viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2014)
Ông Phạm Ngọc Hòa	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cấn Hồng Lai	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bảo	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quảng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sỹ Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 9 năm 2014)
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 94.03/2015/BCKT - IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015, từ trang 5 đến trang 32 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 06 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 06 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

**Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-1



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	06/06/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.294.907.259.308	3.805.188.946.571
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	693.297.776.187	811.949.029.888
1. Tiền	111		508.753.071.199	297.724.424.442
2. Các khoản tương đương tiền	112		184.544.704.988	514.224.605.446
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		175.678.600.777	339.274.765.449
1. Đầu tư ngắn hạn	121		175.678.600.777	339.274.765.449
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.570.483.356.686	1.731.552.179.828
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	935.117.849.181	871.050.390.575
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	516.054.659.099	775.131.092.466
3. Các khoản phải thu khác	135		122.170.271.206	85.370.696.787
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.859.422.800)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	733.988.361.460	803.450.379.254
1. Hàng tồn kho	141		733.988.361.460	803.450.379.254
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		121.459.164.198	118.962.592.152
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.029.654.191	1.710.001.033
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.253.842.632	21.049.375.518
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		718.360.964	411.436.729
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		89.457.306.411	95.791.778.872
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		717.345.094.049	738.551.940.348
I. Tài sản cố định	220		216.857.330.065	216.917.777.371
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	145.071.237.611	147.786.702.474
- Nguyên giá	222		354.411.591.684	337.134.765.061
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(209.340.354.073)	(189.348.062.587)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	12.417.401.827	12.578.062.523
- Nguyên giá	228		13.183.548.462	13.183.548.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(766.146.635)	(605.485.939)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	59.368.690.627	56.553.012.374
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		419.926.388.434	408.348.607.606
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	93.194.609.766	173.345.864.487
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	261.051.886.418	212.317.350.869
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	65.679.892.250	22.685.392.250
III. Tài sản dài hạn khác	260		80.561.375.550	113.285.555.371
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		78.935.954.509	109.152.182.766
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.625.421.041	4.133.372.605
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.012.252.353.357	4.543.740.886.919

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	06/06/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.232.041.814.752	3.843.740.886.919
I. Nợ ngắn hạn	310		3.186.349.035.019	3.800.757.424.212
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	144.278.257.498	195.466.953.796
2. Phải trả người bán	312	V.12	1.280.485.662.999	1.122.157.107.126
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	1.184.312.461.028	1.816.511.709.106
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	148.571.890.467	111.311.298.609
5. Phải trả người lao động	315		43.428.797.839	26.618.393.918
6. Chi phí phải trả	316		178.385.204.051	133.483.159.366
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		202.049.461.474	391.270.803.498
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.837.299.663	3.937.998.793
II. Nợ dài hạn	330		45.692.779.733	42.983.462.707
1. Phải trả dài hạn khác	333		25.832.182.000	29.035.450.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	18.790.980.000	11.762.535.745
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.069.617.733	2.185.476.962
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		780.210.538.605	700.000.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	780.210.538.605	700.000.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.228.055.870	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.105.532.613	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.691.222.348	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		70.185.727.774	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.012.252.353.357	4.543.740.886.919

Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởngNguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 06 năm 2014
đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 06/06/2014 đến 31/12/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.388.671.490.156
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3.388.671.490.156
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.187.936.203.715
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		200.735.286.441
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.473.663.158
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.908.194.456
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.977.382.984
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		112.029.934.810
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		91.270.820.333
11. Thu nhập khác	31		32.252.803.980
12. Chi phí khác	32		21.680.841.999
13. Lợi nhuận khác	40		10.571.961.981
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		101.842.782.314
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	17.281.664.582
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		84.561.117.732



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 06 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 06/06/2014 đến 31/12/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	101.842.782.314
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	23.256.639.683
Các khoản dự phòng	03	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	206.762.210
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.386.733.865)
Chi phí lãi vay	06	6.977.382.984
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	121.896.833.326
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	189.999.052.928
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	72.016.594.473
Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(570.260.097.439)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	32.441.829.441
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.498.266.584)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(122.523.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(161.526.577.112)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	(23.293.458.964)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	301.774.765.449
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(250.423.200.777)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	58.319.668.300
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.657.801.446
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	87.035.575.454
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	247.058.267.724
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(291.218.519.767)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(44.160.252.043)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(118.651.253.701)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	811.949.029.888
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	693.297.776.187



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CP

Số 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ 06/06/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0100104274 cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700 tỷ đồng, được chia thành 70 triệu cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần. Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP có 12 đơn vị thành viên, cụ thể bao gồm:

- Văn phòng Tổng Công ty;
- Công ty Thi công Cơ giới 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1;
- Công ty Cung ứng Lao động quốc tế và Dịch vụ - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Chi nhánh Tây Nguyên Tổng Công ty xây dựng Công trình Giao thông 1;
- Trường Trung cấp nghề Công trình 1 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Xí nghiệp Cầu 17;
- Xí nghiệp Cầu 18 - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1;
- Xí nghiệp xây dựng công trình Ciencol - Chi nhánh TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty TNHH Một thành viên;
- Công ty Xây dựng 123; và
- Ban quản lý dự án Nhà Chung cư.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng Công trình công ích;
- Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng khác; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế Công trình cầu, đường bộ; Thiết kế Công trình dân dụng và Công nghiệp;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp; Dịch vụ tư vấn du học; Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại;
- Tư vấn xây dựng công trình giao thông; Khảo sát trắc địa Công trình; Khảo sát địa chất nền móng công trình;
-

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở cộng dồn các chỉ tiêu trên các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, cụ thể: cộng dồn các chỉ tiêu trên các Bảng cân đối kế toán, các chỉ tiêu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và tiến hành bù trừ các chỉ tiêu liên quan đến công nợ nội bộ, doanh thu nội bộ của tất cả các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong Tổng Công ty - Công ty Cổ phần.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 06 tháng 06 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Tổng Công ty - Công ty Cổ phần chính thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 06 tháng 06 năm 2014.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - Công ty CP đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty - Công ty Cổ phần áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình còn bao gồm giá trị phần mềm kế toán và được trích khấu hao trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị các công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ như sau:

	<u>Số năm</u>
Thiết bị luân chuyển	5
Vật tư luân chuyển	2 - 3,5
Công cụ dụng cụ	2 - 5

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Tiền mặt	20.712.132.562	8.208.780.978
Tiền gửi ngân hàng	488.040.938.637	289.515.643.464
Các khoản tương đương tiền	184.544.704.988	514.224.605.446
Cộng	693.297.776.187	811.949.029.888

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng về hoạt động xây lắp	911.317.822.330	845.827.313.804
Phải thu khách hàng về hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.800.026.851	25.223.076.771
Cộng	935.117.849.181	871.050.390.575

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Trả trước cho người bán về hoạt động xây lắp	516.044.659.099	774.995.603.266
Trả trước cho người bán về hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.000.000	135.489.200
Cộng	516.054.659.099	775.131.092.466

4. Hàng tồn kho

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	30.255.011.234	17.081.927.608
Công cụ, dụng cụ	478.378.351	834.311.761
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	698.473.752.652	780.760.520.753
Thành phẩm	4.263.982.340	1.330.590.562
Hàng hóa	517.236.883	3.443.028.570
Cộng	733.988.361.460	803.450.379.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 06/06/2014	102.844.158.326	163.829.279.591	64.824.486.688	4.577.347.978	1.059.492.478	337.134.765.061
Mua trong kỳ	-	18.841.862.600	3.546.160.000	269.072.728	636.363.636	23.293.458.964
Thanh lý, nhượng bán	-	(822.884.001)	(865.347.200)	-	-	(1.688.231.201)
Giảm khác	-	(4.328.401.140)	-	-	-	(4.328.401.140)
Tại ngày 31/12/2014	102.844.158.326	177.519.857.050	67.505.299.488	4.846.420.706	1.695.856.114	354.411.591.684
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 06/06/2014	40.740.078.818	106.777.110.057	38.031.628.858	3.066.945.557	732.299.297	189.348.062.587
Khấu hao trong kỳ	4.552.375.277	11.904.652.872	5.916.863.137	569.658.817	152.428.885	23.095.978.988
Thanh lý, nhượng bán	-	(741.391.258)	(625.774.561)	-	-	(1.367.165.819)
Giảm khác	-	(1.736.521.683)	-	-	-	(1.736.521.683)
Tại ngày 31/12/2014	45.292.454.095	116.203.849.988	43.322.717.434	3.636.604.374	884.728.182	209.340.354.073
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 06/06/2014	62.104.079.508	57.052.169.534	26.792.857.830	1.510.402.421	327.193.181	147.786.702.474
Tại ngày 31/12/2014	57.551.704.231	61.316.007.062	24.182.582.054	1.209.816.332	811.127.932	145.071.237.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 06/06/2014	13.113.548.462	70.000.000	13.183.548.462
Tại ngày 31/12/2014	13.113.548.462	70.000.000	13.183.548.462
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 06/06/2014	544.612.297	60.873.642	605.485.939
Khấu hao trong kỳ	151.534.338	9.126.358	160.660.696
Tại ngày 31/12/2014	696.146.635	70.000.000	766.146.635
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 06/06/2014	12.568.936.165	9.126.358	12.578.062.523
Tại ngày 31/12/2014	12.417.401.827	-	12.417.401.827

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	06/06/2014 VND
Khách sạn VPCN Tây Bắc tại Sơn La	59.368.690.627	56.553.012.374
Cộng	59.368.690.627	56.553.012.374

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 06/06/2014 đến 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng công trình 1	-	2.883.818.197
Công ty CP Tư vấn thí nghiệm CTGT 1 - Cienco1	10.088.459.714	10.088.459.714
Công ty CP Cầu 14 - Cienco1	-	30.715.436.524
Công ty CP Xây dựng CT và đầu tư 120	11.590.226.795	11.590.226.795
Công ty CP ĐTXDCT 116 - Cienco1	-	5.335.800.000
Công ty CP Cầu 12	28.850.713.257	28.850.713.257
Công ty cơ khí XDCTGT 121	6.419.710.000	6.419.710.000
Công ty CP XNK Thanh Hóa	-	2.942.000.000
Công ty TNHH MTV QL&XD đường bộ 224	-	8.334.200.000
Công ty TNHH MTV đường bộ 226	-	8.849.000.000
Công ty TNHH MTV đường bộ 232	-	11.339.000.000
Công ty TNHH MTV QL&ĐT XDCTGT 240	16.715.500.000	16.715.500.000
Công ty TNHH MTV đường bộ 242	7.864.000.000	7.854.000.000
Công ty TNHH MTV QL&XD đường bộ 244	-	9.762.000.000
Công ty TNHH MTV QL&XD đường bộ 248	11.666.000.000	11.666.000.000
Cộng	93.194.609.766	173.345.864.487

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 06/06/2014 đến 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Công ty CP SXVL và XDCT 1	2.571.000.000	2.571.000.000
Công ty CP TVĐT và XD Việt Nam	2.641.303.364	2.641.303.364
Công ty CP ĐTXD và TM Du lịch - Ciencol	999.686.135	2.057.256.135
Công ty CP SXVL và XDCT 119 - Ciencol	586.812.929	586.812.929
Công ty CP SXVL và XDCT 115	1.263.234.000	1.263.234.000
Công ty CP ĐT và XDCT 128 - Ciencol	6.214.309.449	6.214.309.449
Công ty CP XDGT và TM 124	7.200.000.000	7.200.000.000
Công ty CP TVĐT XDCTGT 1 - Cienco 1	4.381.967.232	4.381.967.232
Công ty CP ĐT và XD công trình Thủy-Ciencol	-	2.225.520.000
Công ty CP Cầu đường 10 - Ciencol	-	4.138.420.000
Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC	34.225.000.000	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng công trình 1	2.770.727.287	-
Công ty CP XNK Thanh Hóa	1.715.000.000	-
Công ty TNHH B.O.T Đường Tránh Thanh Hóa	21.050.000.000	21.050.000.000
Công ty CP Xây dựng công trình 1	4.900.000.000	4.900.000.000
Công ty CP Cầu 14	15.357.718.262	-
Công ty CP xi măng Mai Sơn	57.494.028.490	57.494.028.490
Công ty TNHH Hall Brothers International	2.543.499.270	2.543.499.270
Công ty CP Đầu tư xây dựng Ciencol	2.350.000.000	2.350.000.000
Công ty CP Xây dựng công trình 15	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Xây dựng công trình 16	-	5.800.000.000
Công ty CP Xi măng Chiềng Sinh	-	9.800.000.000
Công ty TNHH đầu tư Cổ Chiên	49.400.000.000	49.400.000.000
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	38.887.600.000	21.200.000.000
Cộng	261.051.886.418	212.317.350.869

10. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Công ty CP ĐT&XD Hạ tầng Anphanam	4.025.905.831	4.025.905.831
Công ty CP PHTT và BĐS Thái Bình Dương	-	6.037.500.000
Công ty CP BOT Pháp Vân Cầu Giẽ	49.032.000.000	-
Công ty CP ĐTTM&XD Giao thông 1	5.348.575.013	5.348.575.013
Công ty CP ĐT và XDCT 134	5.823.411.406	5.823.411.406
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	1.420.000.000	1.420.000.000
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000	30.000.000
Cộng	65.679.892.250	22.685.392.250

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 06/06/2014 đến 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	06/06/2014 VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	40.672.848.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (i)	37.295.000.000	49.982.500.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (ii)	49.969.197.174	30.557.880.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (iii)	47.155.269.000	67.001.667.520
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	2.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	1.420.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (iv)	1.450.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam Chi nhánh Thăng Long - Phòng Giao dịch Hai Bà Trưng (v)	5.265.704.001	-
Huy động vốn CBCNV	3.143.087.323	3.832.058.276
Cộng	144.278.257.498	195.466.953.796

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 03/2014/HDHM-PN/SHB.110222 ngày 26 tháng 07 năm 2014. Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Tổng Công ty. Mục đích cụ thể của từng khoản vay được quy định rõ trong từng khế ước nhận nợ của mỗi lần giải ngân. Lãi suất vay tùy thuộc vào từng thời điểm giải ngân vốn vay và phương án sử dụng vốn. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ được lập cho mỗi lần rút vốn vay. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị doanh thu chuyển về tài khoản của Tổng Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội và quyền đòi nợ phát sinh từ các công trình mà Tổng Công ty thi công xây dựng.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 318.14.057.1396960 ngày 22 tháng 04 năm 2013 với hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 100.000.000.000 đồng, dư nợ tối đa tại mọi thời điểm là 40.000.000.000 đồng. Thời hạn giải ngân tối đa đến ngày 31 tháng 7 năm 2015, thời hạn vay sau 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu xây lắp XL02: phần trên nhịp dẫn và kết cấu phần dưới trụ nhịp dẫn thuộc dự án thành phần 1- Dự án đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên Quốc lộ 60- tỉnh Trà Vinh và Bến Tre và mục đích khác nếu được ngân hàng chấp nhận. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất sẽ xác định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai là giá trị sản lượng đã thực hiện chưa được nghiệm thu từ Hợp đồng kinh tế thi công xây dựng cầu Cổ Chiên số 21/HDXL-CC-2013 tháng 11 năm 2013 gói thầu XL.02: Kết cấu phần trên nhịp dẫn và kết cấu phần dưới trụ nhịp dẫn. Sau khi tài sản đã hình thành (giá trị sản lượng đã được nghiệm thu nhưng chưa được thanh toán) thì tài sản đảm bảo là khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)**

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1379.14.057.1396960 ngày 24 tháng 09 năm 2014 với hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 320.000.000.000 đồng, dư nợ tối đa tại mọi thời điểm là 35.000.000.000 đồng, thời hạn giải ngân đến ngày 31 tháng 10 năm 2018. Mục đích vay là cấp hạn mức công trình phục vụ gói thầu số CW3A, dự án “Xây dựng Cầu Vàm Cống” theo hợp đồng số 06/TCT-KHTT ngày 02 tháng 01 năm 2014 giữa Tổng công ty Xây dựng CTGT 1 - Công ty CP và Công ty Thi công Cơ Giới 1. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là khoản phải thu theo hợp đồng số 06/TCT-KHTT ngày 02 tháng 01 năm 2014.

Hợp đồng tín dụng số 948.14.057.13969600.TD ngày 24 tháng 09 năm 2014 với hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 65.000.000.000 đồng, dư nợ tối đa tại mọi thời điểm là 33.000.000.000 đồng, thời hạn giải ngân đến ngày 29 tháng 03 năm 2015. Mục đích vay là cấp hạn mức công trình phục vụ gói thầu số 3, dự án “Đầu tư xây dựng nút giao thông khác mức tại nút giao thông Ngã ba Huế - thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng BT” theo hợp đồng số 0074/XN17-KHVT ngày 21 tháng 02 năm 2014 giữa Xí nghiệp Cầu 17 Cienco1 và Công ty Thi công cơ giới 1. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất sẽ xác định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là khoản phải thu theo hợp đồng số 0074/XN17-KHVT ngày 21 tháng 02 năm 2014.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số LD1329000368 ngày 22 tháng 11 năm 2013 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2013. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công xây lắp các công trình giao thông. Thời hạn vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ nhưng không được vượt mức quá 10 tháng. Lãi suất áp dụng, phương thức điều chỉnh lãi suất sẽ được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ đã hình thành và chưa hình thành từ các dự án trọng điểm Quốc gia và các dự án có nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước hoặc từ vốn vay quốc tế, vốn tài trợ quốc tế.

(iv) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh Phúc Yên theo Hợp đồng cấp hạn mức ngày 30 tháng 09 năm 2014, hiệu lực tới ngày 31 tháng 07 năm 2015. Hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

(v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long - Phòng Giao dịch Hai Bà Trưng Hợp đồng hạn mức tín dụng số 61/HDTD/HBT-CIENCO1/2014 ngày 10 tháng 09 năm 2014. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công công trình và phát hành các loại bảo lãnh phục vụ hoạt động thi công công trình. Lãi suất cho vay được xác định theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ đã và sẽ hình thành của các công trình, gói thầu được cấp tín dụng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Phải trả người bán

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Phải trả người bán về hoạt động xây lắp	1.280.485.662.999	1.122.157.107.126
Phải trả người bán về hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	1.280.485.662.999	1.122.157.107.126

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Người mua trả tiền trước về hoạt động xây lắp	1.181.904.785.944	1.815.121.482.960
Người mua trả tiền trước về hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.407.675.084	1.390.226.146
Cộng	1.184.312.461.028	1.816.511.709.106

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Thuế GTGT	121.947.886.891	95.600.181.666
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.337.084.154	7.466.296.526
Thuế thu nhập cá nhân	5.518.918.157	4.290.258.803
Các loại thuế khác	3.768.001.265	3.954.561.614
Cộng	148.571.890.467	111.311.298.609

15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	374.455.745
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	9.390.240.000	10.564.020.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	8.641.500.000	-
Vay cá nhân (iii)	759.240.000	824.060.000
Cộng	18.790.980.000	11.762.535.745

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 02/2013/HDTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 14 tháng 11 năm 2013. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 8.704.800.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất cho vay là 11,5%/năm điều chỉnh 03 tháng/lần theo biên độ 2,8%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích vay để thanh toán 06 máy lu rung model CA250D hãng DYNAPAC sản xuất theo hợp đồng kinh tế số 0812/HDKT ngày 28 tháng 08 năm 2013 giữa Tổng Công ty XDCT giao thông I với Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại V-Long. Biện pháp bảo đảm tiền vay là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay tương đương số tiền 9.672.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 01/2013/HDTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 08 tháng 10 năm 2013. Tổng số tiền vay theo hợp đồng này là 3.033.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản tiền vay đầu tiên, lãi suất tiền vay theo khế ước nhận nợ điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích tiền vay là để thanh toán 02 máy lu rung Sakai theo hợp đồng kinh tế số 0637/VTV-CC.C1 ngày 01 tháng 07 năm 2013 giữa Tổng công ty XDCTGT I và Công ty cổ phần thiết bị vận tải Viettraco. Biện pháp bảo đảm tiền vay là cầm cố giấy tờ có giá là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0080113/SHB BT-CIENCO I ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại Ngân hàng TMCP SHB số tiền là 21.400.000.000 đồng.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 597.14.057.877888.TD ngày 26 tháng 06 năm 2014. Tổng số tiền vay theo hợp đồng tối đa là 25.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất trong hạn là lãi suất được xác định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay là phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công và phục vụ hoạt động kinh doanh của khách hàng và mục đích khác. Biện pháp đảm bảo tiền vay là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

- (iii) Vay cá nhân theo Hợp đồng vay tiền số 04/12-HĐVT ngày 30/10/2012, Xí nghiệp XDCT- Cienco 1 vay của bà Nguyễn Thị Bích Vân số tiền là 1 tỷ đồng. Thời hạn vay tối đa là 24 tháng từ ngày 30 tháng 10 năm 2012 đến 30 tháng 10 năm 2014. Phương thức vay là tiền mặt và giao một lần vào ngày 30 tháng 10 năm 2012. Lãi vay áp dụng từ ngày 30 tháng 10 năm 2012 là 13,5%/năm. Nếu lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước thay đổi thì lãi suất áp dụng bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản. Tiền lãi vay tính hàng tháng trên cơ sở số dư nợ thực tế và thời gian vay thực tế, lãi vay trả 1 tháng một lần vào ngày 30. Gốc vay trả nhiều lần vào ngày 30 hàng tháng, số tiền là 9.260.000 đồng, số tiền gốc còn lại trả vào ngày 30 tháng 10 năm 2014. Phụ lục gia hạn số 01/GHHD ngày 30 tháng 10 năm 2014, gia hạn thời hạn vay tiền đến hết ngày 30 tháng 10 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CP

Số 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động
từ 06/06/2014 đến 31/12/2014

Mẫu B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 06/06/2014	700.000.000.000	-	-	-	-	700.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	84.561.117.732	84.561.117.732
Phân phối các quỹ (*)	-	4.228.055.870	4.228.055.870	1.691.222.348	(14.375.389.958)	(4.228.055.870)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	(122.523.257)	-	-	(122.523.257)
Số dư tại 31/12/2014	700.000.000.000	4.228.055.870	4.105.532.613	1.691.222.348	70.185.727.774	780.210.538.605

(*) Tổng Công ty thực hiện tạm phân phối lợi nhuận trong kỳ vào các quỹ mà chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

b. Cổ phiếu

31/12/2014

Cổ phần

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ
+ Cổ phiếu thưởng
Số lượng cổ phiếu được mua lại
+ Cổ phiếu thưởng
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
+ Cổ phiếu thưởng

70.000.000
70.000.000
70.000.000
-
-
70.000.000
70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT 1 - CÔNG TY CPSố 623 Đường La Thành, Phường Thành Công,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ 06/06/2014 đến 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ****Từ 06/06/2014****đến 31/12/2014****VND****Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****3.388.671.490.156***Trong đó:*

- Doanh thu hợp đồng xây dựng

3.215.900.020.803

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

172.771.469.353

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**3.388.671.490.156****2. Giá vốn hàng bán****Từ 06/06/2014****đến 31/12/2014****VND**

Giá vốn của hợp đồng xây dựng

3.045.193.089.784

Giá vốn của hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

142.743.113.931

Cộng**3.187.936.203.715****3. Doanh thu hoạt động tài chính****Từ 06/06/2014****đến 31/12/2014****VND**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

17.496.581.641

Cổ tức, lợi nhuận được chia

626.941.579

Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện

1.358.830.060

Lãi do bán các loại chứng khoán

2.878.739.200

Doanh thu hoạt động tài chính khác

4.112.570.678

Cộng**26.473.663.158****4. Chi phí hoạt động tài chính****Từ 06/06/2014****đến 31/12/2014****VND**

Lãi tiền vay

6.977.382.984

Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện

6.472.273.495

Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện

206.762.210

Lỗ do bán các loại chứng khoán

9.785.458.262

Chi phí tài chính khác

466.317.505

Cộng**23.908.194.456**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Từ 06/06/2014

đến 31/12/2014

VND

Lợi nhuận kế toán trước thuế
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế

101.842.782.314

Trừ: Thu nhập không chịu thuế

626.941.579

Lỗ kỳ trước chuyển sang

22.811.632.138

Cộng chi phí không được khấu trừ

148.812.231

Thu nhập chịu thuế

78.553.020.828

Thuế suất

22%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

17.281.664.582

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Tổng Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Từ 06/06/2014

đến 31/12/2014

VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

1.012.292.136.517

Chi phí nhân công

260.847.183.542

Chi phí khấu hao TSCĐ

23.256.639.683

Chi phí dịch vụ mua ngoài

2.094.740.977.913

Chi phí bằng tiền khác

81.324.651.604

Cộng

3.472.461.589.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	06/06/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	693.297.776.187	811.949.029.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.054.428.697.587	956.421.087.362
Đầu tư ngắn hạn	175.678.600.777	339.274.765.449
Đầu tư dài hạn	65.679.892.250	22.685.392.250
Cộng	1.989.084.966.801	2.130.330.274.949
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	163.069.237.498	207.229.489.541
Phải trả người bán và phải trả khác	1.508.367.306.473	1.542.463.360.624
Chi phí phải trả	178.385.204.051	133.483.159.366
Cộng	1.849.821.748.022	1.883.176.009.531

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Các khoản vay	144.278.257.498	18.790.980.000	163.069.237.498
Phải trả người bán và phải trả khác	1.482.535.124.473	25.832.182.000	1.508.367.306.473
Chi phí phải trả	178.385.204.051	-	178.385.204.051
Cộng	1.805.198.586.022	44.623.162.000	1.849.821.748.022
Tại ngày 06/06/2014			
Các khoản vay	195.466.953.796	11.762.535.745	207.229.489.541
Phải trả người bán và phải trả khác	1.513.427.910.624	29.035.450.000	1.542.463.360.624
Chi phí phải trả	133.483.159.366	-	133.483.159.366
Cộng	1.842.378.023.786	40.797.985.745	1.883.176.009.531

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	693.297.776.187	-	693.297.776.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.054.428.697.587	-	1.054.428.697.587
Đầu tư ngắn hạn	175.678.600.777	-	175.678.600.777
Đầu tư dài hạn	65.679.892.250	-	65.679.892.250
Cộng	1.989.084.966.801	-	1.989.084.966.801
Tại ngày 06/06/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	811.949.029.888	-	811.949.029.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	956.421.087.362	-	956.421.087.362
Đầu tư ngắn hạn	339.274.765.449	-	339.274.765.449
Đầu tư dài hạn	22.685.392.250	-	22.685.392.250
Cộng	2.130.330.274.949	-	2.130.330.274.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Báo cáo bộ phận**

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận”, Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày Báo cáo bộ phận theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

3. Bên liên quan**Giao dịch với các bên liên quan:**

	Từ 06/06/2014 đến 31/12/2014 VND
Doanh thu	241.405.447.508
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	190.574.381.144
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	50.831.066.364
Mua hàng	302.198.265.754
Công ty CP Đầu tư xây dựng Cienco1	5.162.410.082
Công ty cơ khí XDCTGT 121	14.566.906.579
Công ty CP Cầu 12	90.743.354.584
Công ty CP SXVL và XDCT 119 - Cienco1	20.116.920
Công ty CP Tư vấn thí nghiệm CTGT 1 - Cienco1	6.805.024.017
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng công trình 1	4.691.711.694
Công ty CP ĐTXD và TM Du lịch - Cienco1	20.318.402.784
Công ty CP Cầu 14	158.945.680.912
Công ty TNHH MTV QL&XD đường bộ 244	944.658.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Bên liên quan****Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2014
	VND
Phải thu khách hàng	4.401.689.852
Công ty TNHH BOT đường tránh Thanh Hoá	1.536.117.261
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	2.865.572.591
Người mua trả tiền trước	235.872.038.878
Công ty CP BOT Pháp Vân Cầu Giẽ	104.382.774.192
Công ty CP BOT Cầu Việt Trì	131.489.264.686
Phải trả người bán	195.231.370.826
Công ty CP ĐT&XD Hạ tầng Anphnam	3.580.121.028
Công ty cơ khí XDCTGT 121	14.620.437.336
Công ty CP Cầu đường 10 - Cienco1	14.311.657.294
Công ty CP Cầu 12	33.325.661.011
Công ty CP Tư vấn thí nghiệm CTGT 1 - Cienco1	8.714.515.964
Công ty CP ĐT và XDCT 128 - Cienco1	459.481.395
Công ty CP ĐTXD và TM Du lịch - Cienco1	14.828.885.544
Công ty CP Cầu 14	105.390.611.254
Trả trước cho người bán	24.072.967.134
Công ty CP Đầu tư xây dựng Cienco1	7.475.040.260
Công ty CP SXVL và XDCT 119 - Cienco1	464.742.804
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng công trình I	1.088.007.271
Công ty CP xi măng Mai Sơn	12.509.691.690
Công ty TNHH B.O.T Đường Tránh Thanh Hóa	2.105.000.000
Công ty TNHH MTV QL&XD đường bộ 224	32.219.537
Công ty TNHH MTV đường bộ 226	208.884.110
Công ty TNHH MTV đường bộ 232	189.381.462

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số trên Bảng cân đối kế toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 05 tháng 06 năm 2014 đã được kiểm toán.



Cần Hồng Lai
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Võ Thành Công
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hạnh
Người lập